

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **440/2022/DS-ST**

Ngày: 19-9-2022.

V/v Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Hải.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Nga
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Quách Minh Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 224/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 365/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 314/2022/QĐST-DS ngày 26/8/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **TỔNG CÔNG TY Đ**

Địa chỉ: 35 T, phường B, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền là: Bà Trang Thụy Thanh X, sinh năm 1976,

Địa chỉ: D15/10C đường T, ấp 4, xã T, huyện B, Tp.HCM.

*Bị đơn:* Bà **Trần Ngọc M**, sinh năm 1965

Địa chỉ: 3A35/3 ấp 3, xã P, huyện B, Thành Phố Hồ Chí Minh;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2022, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 07/01/2021, Ch nhánh Tđã ký hợp đồng mua bán điện số 20/000921 với bà Trần Ngọc M, mã khách hàng: PE15000171675, địa chỉ sử dụng điện: 3A35/3 ấp 3, xã P, huyện BThành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi ký hợp đồng mua bán điện, Công ty Bđã cung cấp điện cho bà Trần Ngọc M theo đúng như nội dung hợp đồng. Tuy nhiên, tiền điện sử dụng từ ngày

22/7/2021 đến ngày 21/12/2021, bà Trần Ngọc M đã không thanh toán tiền điện hàng tháng đầy đủ, đúng thời hạn. Tổng cộng số tiền điện bà Trần Ngọc M nợ Tổng công ty Đlà 5.692.222 đồng, cụ thể như sau:

Giấy báo tiền điện tháng 8/2021 (sử dụng điện từ ngày 22/7/2021 đến 21/8/2021 số tiền là 1.954.684 đồng).

Giấy báo tiền điện tháng 9/2021 (sử dụng điện từ ngày 22/8/2021 đến 21/9/2021 số tiền là 1.954.684 đồng).

Giấy báo tiền điện tháng 10/2021 (sử dụng điện từ ngày 22/9/2021 đến 21/10/2021 số tiền là 134.253 đồng).

Giấy báo tiền điện tháng 11/2021 (sử dụng điện từ ngày 22/10/2021 đến 21/11/2021 số tiền là 1.598.764 đồng).

Giấy báo tiền điện tháng 12/2021 (sử dụng điện từ ngày 22/11/2021 đến 21/12/2021 số tiền là 49.837 đồng).

Tại khoản 1, 2 Điều 23 Luật điện lực năm 2004 sửa đổi bổ sung năm 2012 có quy định: “Bên mua điện phải thanh toán đủ và đúng thời hạn số tiền điện ghi trong hóa đơn cho bên bán điện theo biểu giá điện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Tiền điện được thanh toán tại trụ sở, nơi ở của bên mua điện hoặc tại địa điểm thuận lợi do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện. Bên mua điện chậm trả tiền điện phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho bên bán điện”. Đồng thời, cũng tại điểm a khoản 2 Điều 46 Luật điện lực 2004 sửa đổi, bổ sung 2012 cũng có quy định: “Khách hàng sử dụng điện có nghĩa vụ thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn trong hợp đồng mua bán điện cho bên bán”.

Theo khoản 5 Điều 1 của hợp đồng mua bán điện, các bên thỏa thuận hình thức và thời hạn thanh toán tiền điện như sau: “Hình thức thanh toán: Qua các điểm thu tiền điện. Thời hạn thanh toán: 05 ngày kể từ ngày bên A thanh toán lần đầu”.

Tổng công ty Điện lực Thừa Thiên Huế yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm: Tổng công ty Điện lực Thừa Thiên Huế yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh buộc bà Trần Ngọc M thanh toán tổng số tiền là 5.692.222 đồng, số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định pháp luật: Số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 05/5/2022 là 300.873 đồng và số tiền chậm trả phát sinh tương ứng từ ngày 05/5/2022 đến ngày khách hàng thanh toán hết số tiền nợ; Yêu cầu trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 23/8/2022, đại diện nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 05/5/2022 là 300.873 đồng.

Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn - Bà Trần Ngọc M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn tố tụng.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Bị đơn bà Trần Ngọc M có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn vào khoản 3 Điều 26; tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn bà Trần Ngọc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên.

[1.3]. Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[2]. Về nội dung và yêu cầu:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tổng công ty Đ được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; mã số doanh nghiệp 0300951119, đăng ký lần đầu ngày 31/3/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 9, ngày 28/8/2020. Do Phòng đăng ký kinh doanh-Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh chứng nhận.

Chi nhánh tổng công ty Đ-Công ty B được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, mã số 0300951119-022; đăng ký lần đầu, ngày 01/7/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 26/7/2019. Do Phòng đăng ký kinh doanh-Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh chứng nhận.

Như vậy, Chi nhánh tổng công ty Đ-Công ty B có chức năng bán điện cho người tiêu dùng theo thỏa thuận.

[2.2]. Ngày 07/01/2021, Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty B(sau đây gọi tắt là “Công ty Điện lực Bình Chánh”) đã ký hợp đồng mua bán điện số 20/000921 với bà Trần Ngọc M, mã khách hàng: PE15000171675, địa chỉ sử dụng điện: 3A35/3 ấp 3, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hợp đồng mua bán điện giữa Công ty B với bà Trần Ngọc M đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 117, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015, người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định pháp luật nên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[2.3]. Sau khi ký hợp đồng mua bán điện, Công ty B đã cung cấp điện cho bà Trần Ngọc M theo đúng nội dung Hợp đồng. Tuy nhiên, tiền điện sử dụng điện từ ngày 22/7/2021 đến ngày 21/12/2021, bà Trần Ngọc M đã không thanh toán tiền điện hàng tháng đầy đủ, đúng thời hạn. Tổng cộng số tiền điện bà Trần Ngọc M nợ Tổng công ty Điện lực TP HCM TNHH là 5.692.222 đồng.

[2.4]. Tại Khoản 1, 2 Điều 23 Luật Điện lực 2004 (sửa đổi, bổ sung 2012) có quy định: “Bên mua điện phải thanh toán đủ và đúng thời hạn số tiền điện ghi trong hóa đơn cho bên bán điện theo biểu giá điện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Tiền điện được thanh toán tại trụ sở, nơi ở của bên mua điện hoặc tại địa điểm thuận lợi do hai bên thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện. Bên mua điện chậm trả

tiền điện phải trả cả tiền lãi của khoản tiền chậm trả cho bên bán điện”. Đồng thời, cũng tại điểm a Khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực 2004 (sửa đổi, bổ sung 2012) cũng có quy định: “Khách hàng sử dụng điện có nghĩa vụ thanh toán tiền điện đầy đủ, đúng thời hạn trong hợp đồng mua bán điện cho bên bán”.

[2.5]. Căn cứ vào giấy báo tiền điện tháng 8/2021 đến tháng 12/2021 có cơ sở xác định bà Trần Ngọc M còn nợ tiền điện là 5.692.222 đồng. Nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền này là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.6]. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán thêm tiền lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 05/5/2022 là 300.873 đồng và số tiền chậm trả phát sinh tương ứng từ ngày 05/5/2022 đến ngày khách hàng thanh toán hết số tiền nợ,

Tuy nhiên, ngày 23/8/2022 nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi suất. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là sự tự nguyện, không trái pháp luật, không trốn tránh nghĩa vụ và phù hợp đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và sẽ đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[2.7]. Như đã nhận định nêu trên; do bị đơn bà Trần Ngọc M vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Ngọc M có nghĩa vụ trả số tiền sử dụng điện còn nợ là 5.692.222 đồng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 117, 119 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 23; 46 Luật Điện lực 2004 (sửa đổi, bổ sung 2012);

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Buộc bà Trần Ngọc M trả cho Chi nhánh Tổng công ty Đ - Công ty Bsố tiền 5.692.222 đồng. Trả ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất chậm trả lãi chậm trả tính đến ngày 05/5/2022 là 300.873 đồng của nguyên đơn.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Ngọc M chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn Chi nhánh Tổng công ty Đ - Công ty B số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0041194 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (4);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Ngọc Hải**